

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 15-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Thái;
2. Ông Huỳnh Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Bửu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Trần Huy Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim C, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Tổ C, ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Tổ C, ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang. (vắng mặt, có đơn xin vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim C trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị Thảo N có quen biết, bà N làm chủ hụi, bà có tham gia nhiều dây hụi, mua hụi do bà N làm chủ hụi. Cụ thể:

Dây thứ nhất: Hụi mở ngày 15/9/2021ÂL, hụi 200.000 đồng/phần/tuần, gồm 74 phần, mua 05 phần (trừ 01 phần người mua còn lại 73 phần) số tiền thanh toán như sau:

05 phần x 200.000 đồng = 1.000.000 đồng (05 phần hụi chết)

68 phần x 150.000 đồng = 10.200.000 đồng (68 phần sống)

Tổng tiền: 11.200.000 đồng x 05 phần = 56.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Hụi mở ngày 10/12/2021 ÂL, hụi 1.000.000 đồng/phần/tháng, gồm 25 phần, trừ 01 phần người mua còn lại 24 phần, mua với giá 700.000 đồng/phần, số tiền thanh toán như sau: 24 phần x 700.000 đồng = 16.800.000 đồng.

Tổng tiền: 16.800.000 đồng.

Dây thứ ba: Hụi mở ngày 14/9/2022 ÂL, hụi 200.000 đồng/phần/tuần, gồm 45 phần, trừ 01 phần người mua còn lại 44 phần, gồm 19 phần chết, 25 phần sống, mua với giá 300.000 đồng/phần sống, 175.000 đồng/phần chết, số tiền thanh toán như sau:

19 phần chết x 300.000 đồng = 5.700.000 đồng.

25 phần sống x 175.000 đồng = 4.375.000 đồng.

Tổng tiền: 10.075.000 đồng.

Dây thứ tư: Hụi mở ngày 20/9/2022 ÂL, hụi 200.000 đồng/phần/tuần, gồm 62 phần, trừ 01 phần người mua còn lại 61 phần, gồm 46 phần chết, 15 phần sống, mua với giá 120.000 đồng/phần sống, 200.000 đồng/phần chết, số tiền thanh toán như sau:

46 phần chết x 200.000 đồng = 9.200.000 đồng.

15 phần sống x 120.000 đồng = 1.800.000 đồng.

Tổng tiền: 11.000.000 đồng.

Dây thứ năm: Hụi mở ngày 20/11/2022 (dương lịch), hụi 1.000.000 đồng/phần/tháng, mua 09 phần với giá 400.000 đồng/phần, số tiền thanh toán như sau: 09 phần x 400.000 đồng = 4.500.000 đồng.

Tổng tiền: 11.000.000 đồng.

Dây thứ sáu: Hụi mở ngày 29/12/2022 ÂL, hụi 200.000 đồng/phần/tuần, gồm 56 phần, mua với giá 135.000 đồng/phần, số tiền thanh toán như sau:

56 phần chết x 135.000 đồng = 7.560.000 đồng.

Tổng tiền: 7.560.000 đồng.

Tất cả các dây hụi tham gia, mua bán hụi bà và bà N đều có làm biên nhận để tính tiền. Các dây hụi chưa kết thúc thì bà N tuyên bố vỡ hụi, bà N không trả lại tiền cho bà C. Tổng số tiền bà N nhận của bà C là 106.835.000 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Bà N đã trả cho bà được 6.000.000 đồng, bà N còn nợ tổng số tiền 100.835.000đ (Một trăm triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng), bà C yêu cầu bà N thanh toán ngay một lần số tiền này, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn Nguyễn Thị Thảo N trình bày:

Bà và bà Lê Thị Kim C có quen biết do ở cùng xóm, bà làm chủ hụi, bà C

có tham gia, mua bán nhiều dây hụi với bà. Qua các biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải cùng với các tài liệu chứng cứ của bà Lê Thị Kim C giao nộp cho Tòa án mà bà đã được tiếp cận, bà xác định các dây hụi bà C tham gia, mua bán đúng như bà C trình bày. Các giấy hụi, giấy xác nhận giao tiền hụi là đúng do bà nhận tiền và ký nhận. Tổng cộng số tiền nhận 106.835.000 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Bà N đã trả cho bà C được 6.000.000 đồng, còn nợ lại tiền hụi tổng số tiền 100.835.000đ (Một trăm triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) đúng như bà C trình bày. Đồng ý yêu cầu khởi kiện, xin chịu trách nhiệm trả tiền cho bà C nhưng hiện nay không thể trả ngay một lần cho bà C do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, phải trả nợ nhiều người. Bà N xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. (Biên bản lời khai ngày 13/3/2024, Bút lục số 48).

Tòa án mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp hoặc Tòa án thu thập được. Bà N thống nhất các chứng cứ nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật, đúng với việc tham gia góp hụi, mua bán hụi giữa bà C và bà N. Thừa nhận số tiền còn nợ lại, xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng nhưng bà C không đồng ý nên vụ án hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, bà C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà N phải có trách nhiệm trả ngay cho bà C số tiền hụi còn lại 100.835.000đ (Một trăm triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Bà N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xem xét nội dung biên bản lời khai của bà để giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực đúng hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền nợ hụi là 100.835.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Thảo N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi, bị đơn là bà Nguyễn Thị Thảo N có nơi cư trú tại ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang thuộc nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thảo N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Lê Thị Kim C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thảo N phải trả số tiền hụi còn nợ 100.835.000đ (Một trăm triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Xét thấy, việc tham gia hợp đồng góp hụi giữa các đương sự được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình chơi hụi giữa các bên phát sinh việc tham gia góp hụi, mua hụi qua lại với nhau và xác định được tổng số tiền mà bà Nguyễn Thị Thảo N đã nhận của bà Lê Thị Kim C tổng cộng số tiền nhận 106.835.000 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Bà N đã trả cho bà C được 6.000.000 đồng, còn nợ lại tiền hụi tổng số tiền 100.835.000đ (Một trăm triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng), các bên thừa nhận nội dung này, nên bà C yêu cầu bà N có trách nhiệm trả số tiền trên là có căn cứ chấp nhận. Bà C không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

[2.2] Bà C yêu cầu bà N phải trả ngay một lần số tiền trên, bà N có ý kiến xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng nhưng bà C không chấp nhận.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự việc thanh toán, về thời gian thanh toán và phương thức thanh toán sẽ được xem xét giải quyết ở giai đoạn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Yêu cầu của bà C được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự Điều 7, Điều 8, Điều 11, Điều 18, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biếu, phường; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim C.

Buộc bà Nguyễn Thị Thảo N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim C số tiền 100.835.000 đồng (Một trăm triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thảo N phải chịu 5.041.000 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Bà Lê Thị Kim C được nhận số tiền tạm ứng án phí 2.670.000 đồng (Hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007600 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kim C được quyền kháng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/4/2024) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm; Bà Nguyễn Thị Thảo N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Minh Nhật